

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý tài chính, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội tại phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022; Nghị định số 43/2023/NĐ-CP, ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-TTr, ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chánh Thanh tra huyện Kon Plông về thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý tài chính, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội tại phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện. Từ ngày 18 tháng 03 năm 2024 đến ngày 02 tháng 5 năm 2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại phòng Lao động thương binh và Xã hội huyện Kon Plông.

Xét báo cáo số 01/BC-ĐTTr, ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Phòng Lao động thương binh và Xã hội huyện Kon Plông (*viết tắt: Phòng Lao động-TB và XH huyện*) là đơn vị hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã. Trụ sở làm việc trong khuôn viên của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông.

- Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quản lý Nhà nước về công tác lao động thương binh và xã hội, thực hiện chính sách ưu đãi người có công, chính sách bảo trợ xã hội; công tác giảm nghèo; an toàn lao động; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; công tác dạy nghề; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình xuất khẩu lao động (*theo Quyết định số 71/QĐ-TTg*); công tác phòng chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Lao động - TB và XH huyện có 06 cán bộ, công chức, cơ cấu tổ chức gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và 03 chuyên viên. Về trình độ chuyên môn: 06 đại học.

- Kinh phí hoạt động hàng năm chủ yếu hưởng từ ngân sách huyện và nguồn kinh phí ủy quyền của cấp trên giao thực hiện chế độ chính sách bảo đảm xã hội.

PHẦN II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. KIỂM TRA THỰC HIỆN THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Về sổ kế toán: Qua kiểm tra đơn vị cơ bản đã mở được các sổ sách theo quy định. Tuy nhiên, còn thiếu một số loại sổ chưa mở gồm: sổ theo dõi tiền gửi, sổ theo dõi công cụ dụng cụ.

2. Về chứng từ: Kiểm tra chứng từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân sách Trung ương ủy quyền năm 2022 và năm 2023, đơn vị đã chấp hành tốt Luật ngân sách, chế độ kế toán và các văn bản hướng dẫn của Bộ tài chính trong công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao; thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên đúng mục đích.

- Chứng từ được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, đánh số thứ tự theo thời gian phát sinh nghiệp vụ. Thực hiện các khoản chi đột xuất và thường xuyên kịp thời, đúng đối tượng, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn vị thực hiện đầy đủ các chứng từ cần thiết như chủ trương, tờ trình, giấy đề nghị thanh toán, bảng kê mua hàng, hợp đồng, hóa đơn, giấy biên nhận tiền....

- Đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công. Quy chế được xây dựng theo Nghị Định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đơn vị các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà Nước và Nghị định 151/2017/NĐ- CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 29/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

- Kết thúc năm tài chính, đơn vị đã chấp hành việc lập báo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Cuối kỳ kế toán (31/12 hằng năm) đơn vị đã tiến hành kiểm kê tài sản theo quy định.

- Đơn vị đã thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

3. Kiểm tra việc thực hiện thu, chi ngân sách, sổ sách, chứng từ

3.1. Năm 2022

3.1.1 Ngân sách huyện

a. Kiểm tra về kinh phí quản lý Nhà nước (*nguồn kinh phí tự chủ*)

- Kinh phí được giao là: 942.000.000 đồng. Kinh phí đơn vị đã thực hiện chi và thanh quyết toán với số tiền là: 942.000.000 đồng¹. Kiểm tra hồ sơ, chứng từ, đơn vị đã thực hiện chi ngân sách, quản lý tài chính từ nguồn tự chủ cơ bản đúng định mức, tiêu chuẩn, kịp thời, đảm bảo theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b. Kinh phí không tự chủ

- **Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:** Kinh phí được giao là: 11.012.840.000 đồng (*Trong đó: (1) Kinh phí chuyển nhiệm vụ chi năm 2021 sang thực hiện năm 2022 là: 1.091.840.000 đồng; (2) Kinh phí giao đầu năm là: 9.671.000.000 đồng; (3) Kinh phí bổ sung trong năm là: 250.000.000 đồng*). Kinh phí giảm trừ, chuyển về Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo là: 1.155.000.000 đồng. Kinh phí còn lại đơn vị thực hiện trong năm là: 9.857.840.000 đồng. Kinh phí đơn vị đã thực hiện chi và thanh quyết toán với số tiền là: 9.730.224.150 đồng (*trong đó: (1) Chi trả trợ cấp cho đối tượng người có công hàng tháng, đơn vị thực hiện việc chi trả qua hệ thống bưu điện huyện với tổng số tiền là: 8.410.124.150 đồng; (2) chi các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác là: 1.320.100.000 đồng*). Kinh phí còn tồn tại Kho bạc nhà nước là: 127.615.850 đồng. Kiểm tra hồ sơ đơn vị đã chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo quy định như: Chi mua bảo hiểm cho Y tế cho Cựu chiến, Thanh niên xung phong, người làm nhiệm vụ Quốc tế Lào, Campuchia Các chứng từ chi trả các chế độ chính sách cho người có công đơn vị đã thực hiện đúng quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng (*trợ cấp hàng tháng và tiền mai táng phí...*); người được hỗ trợ các chính sách bảo trợ xã hội thực hiện đúng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-Cp ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, người già cô đơn...*

* Tuy nhiên, đơn vị vẫn còn thiếu sót một số nội dung sau:

+ Việc chi trả trợ cấp một lần cho Bà Y Giêng, địa chỉ: Xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã từ trần ngày 20 tháng 3 năm 2022, được Ủy ban nhân dân huyện cắt trợ giúp xã hội thường xuyên (*thời gian cắt trợ giúp từ ngày 01 tháng 04 năm 2022*) và trợ cấp một lần (*mai táng phí*) đối với người hưởng bảo trợ xã hội tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2022, nhưng đơn vị vẫn thanh toán tiền trợ cấp thường xuyên tháng 4 năm 2022 đối với Bà Y Giêng với số tiền là 360.000 đồng là chưa đúng.

¹ Đơn vị thực hiện việc chi lương, các chế độ phụ cấp theo lương, chi các khoản đóng góp, thanh toán ca nhân ...

+ Thanh toán tiền mua đồ viếng nghĩa trang liệt sỹ tại giấy rút dự toán số RDT049 ngày 06 tháng 04 năm 2022 với số tiền là: 9.800.000 đồng, đơn vị không có hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

+ Thanh toán tiền in băng rôn bình đẳng giới tại giấy rút dự toán số RDT1159 ngày 14 tháng 12 năm 2022 với số tiền là: 24.890.000 đồng, đơn vị không có danh sách ký nhận của các đơn vị.

- **Kinh phí duy trì phần mềm kế toán:** Kinh phí được giao là: 11.000.000 đồng. Đơn vị sử dụng và thanh quyết toán là: 11.000.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết biểu số 1 kèm theo)

3.1.2. Ngân sách Trung ương ủy quyền để thực hiện chi trả các chế độ cho người có công và thực hiện một số nhiệm vụ chi khác...

- Tổng kinh phí ngân sách được ủy quyền là: 7.580.514.800 đồng, đơn vị thực hiện là: 6.953.022.650 đồng, kinh phí còn tồn tại Kho bạc Nhà nước huyện là: 627.492.150 đồng. Kiểm tra hồ sơ đơn vị thực hiện thanh quyết toán cơ bản đảm bảo theo quy định.

- Tuy nhiên, việc chi trả trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng cho Bà Y Xong, địa chỉ: Xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã từ trần và được hưởng trợ cấp khi người có công từ trần tại Quyết định số 756/QĐ-SLĐTBXH ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội, nhưng đơn vị vẫn thanh toán tiền điều dưỡng tại nhà tháng 5 năm 2022 đối với Bà Y Xong với số tiền là 1.461.600 đồng là chưa đúng.

(Chi tiết biểu số 02 kèm theo)

3.1.3. Nguồn vận động, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa

- Tổng nguồn thu quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2022 là: 157.974.477 đồng (gồm: thu tồn năm trước chuyển sang: 2.300.000 đồng; thu từ các cá nhân: 155.674.477 đồng). Kiểm tra sổ sách, hồ sơ, chứng từ thu, chi Quỹ đền ơn đáp nghĩa, đơn vị ghi đã tổng hợp đầy đủ số tiền ủng hộ đóng góp của các tổ chức, cá nhân, đã chuyển số tiền đóng góp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại KBNN huyện. Tuy nhiên, đơn vị chưa triển khai thực hiện còn tồn tại Kho bạc Nhà nước *(chi tiết theo biểu 04 kèm theo)*.

3.1.4. Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, đơn vị không thực hiện, đồng thời đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chuyển nhiệm vụ chi sang thực hiện năm 2023.

3.1.5. Kiểm tra công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022

- Trong năm 2022 đơn vị không thực hiện mua sắm. Kiểm tra hồ sơ sổ sách, đơn vị đã thực hiện đầy đủ việc mở sổ sách để theo dõi, hạch toán tài sản

sản theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ tài chính; Thông tư số 68/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm ... và các văn bản khác quy định.

3.1.6. Kiểm tra nguồn vốn và triển khai thực hiện đầu tư xây dựng: Đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện giao làm chủ đầu tư công trình: Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện tại Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện². Nguồn vốn được Ủy ban nhân dân huyện giao tại Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 với số tiền là 2.973.000.000 đồng từ nguồn vốn xây dựng cơ bản cân đối theo tiêu chí. Tổng mức đầu tư được duyệt là: 3.000.000.000 đồng tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện. Đơn vị đã thực hiện đầu tư và nghiệm thu, thanh toán là: 2.960.849.000 đồng. Kết quả kiểm tra hồ sơ pháp lý, đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

3.2. Năm 2023

3.2.1 Ngân sách huyện

a. Kiểm tra về kinh phí quản lý Nhà nước (nguồn kinh phí tự chủ): Kinh phí được giao là: 967.000.000 đồng (Trong đó: (1) Kinh phí giao đầu năm là: 904.000.000 đồng; (2) Kinh phí bổ sung trong năm là: 63.000.000 đồng). Kinh phí thực hiện giảm trừ tiết kiệm chi là: 16.000.000 đồng. Kinh phí còn lại đơn vị sử dụng trong năm là: 951.000.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện chi và thanh quyết toán với số tiền là: 951.000.000 đồng³. Kiểm tra hồ sơ, chứng từ, đơn vị đã thực hiện chi ngân sách, quản lý tài chính từ nguồn tự chủ cơ bản đúng định mức, tiêu chuẩn, kịp thời, đảm bảo theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Các loại sổ sách được mở; hồ sơ, chứng từ lập thanh quyết toán phù hợp với chế độ, định mức theo các quy định hiện hành. Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo quy định.

b. Kinh phí không tự chủ

- **Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:** Kinh phí được giao là: 12.411.775.850 đồng (Trong đó: (1) Kinh phí chuyển nhiệm vụ chi năm 2022 sang thực hiện năm 2023 là: 190.775.850 đồng; (2) Kinh phí giao đầu năm là: 11.757.000.000 đồng; (3) Kinh phí bổ sung trong năm là: 464.000.000 đồng). Kinh phí giảm trừ, chuyển về Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo là: 1.979.165.000 đồng. Kinh phí còn lại đơn vị thực hiện trong năm là: 10.432.610.850 đồng. Kinh phí đơn vị đã thực hiện và thanh quyết toán với số

² Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nguồn vốn cân đối ngân sách huyện Kon Plông giai đoạn 2021-2025 thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông.

³ Đơn vị thực hiện việc chi lương, các chế độ phụ cấp theo lương, chi các khoản đóng góp, thanh toán cá nhân, ...

tiền là: 10.386.366.965 đồng (trong đó: (1) Chi trả trợ cấp cho đối tượng người có công hàng tháng, đơn vị thực hiện việc chi trả qua hệ thống bưu điện huyện với tổng số tiền là: 8.672.857.167 đồng; (2) chi các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác là: 1.713.578.798 đồng). Kinh phí còn tồn tại Kho bạc nhà nước là: 46.243.885 đồng. Kiểm tra hồ sơ đơn vị đã chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo quy định.

* Tuy nhiên, đơn vị vẫn còn thiếu sót một số nội dung sau:

+ Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm tại giấy rút dự toán số RDT00155, ngày 12 tháng 10 năm 2023 với số tiền là: 9.832.000 đồng, đơn vị không có phiếu xuất nhập kho hoặc biên bản giao nhận của các bộ phận chuyên môn.

+ Tại Phiếu chi tiền số PC013 ngày 11 tháng 12 năm 2023 chuyển tiền làm thêm giờ đoàn liên ngành 178 với số tiền 1.970.000 đồng vượt định mức (Theo Điều 60 quy định về giới hạn số giờ làm thêm của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động).

- **Kinh phí thực hiện mua máy tính:** Kinh phí được giao là: 110.000.000 đồng. Đơn vị sử dụng và thanh quyết toán là: 110.000.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết biểu số 01 kèm theo)

3.2.2. Ngân sách Trung ương ủy quyền để thực hiện chi trả các chế độ cho người có công và thực hiện một số nhiệm vụ chi khác...

- Tổng kinh phí được ủy quyền là: 7.216.168.400 đồng, đơn vị thực hiện là: 7.005.935.789 đồng. Kinh phí còn tồn tại Kho bạc Nhà nước huyện là: 210.232.611 đồng. Kiểm tra hồ sơ đơn vị thực hiện thanh quyết toán cơ bản đảm bảo theo quy định.

- Tuy nhiên, Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm tại giấy rút dự toán số RDT00030, ngày 01 tháng 12 năm 2023 với số tiền là: 14.620.000 đồng, đơn vị không có phiếu xuất nhập kho hoặc không có biên bản giao nhận của các bộ phận chuyên môn.

(Chi tiết biểu số 02 kèm theo)

3.2.3. Nguồn vận động, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa

- Tổng nguồn thu quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2023 là: 590.874.477 đồng (gồm thu từ năm 2022 chuyển sang: 157.974.477 đồng; năm 2023: thu từ tổ chức 400.000.000 đồng; thu từ cá nhân 32.900.000 đồng). Đơn vị đã thực hiện chi hỗ trợ nhà ở cho người có công là 560.000.000 đồng. (cụ thể: hỗ trợ cho 08 đối tượng, mỗi đối tượng là: 70.000.000 đồng); kinh phí còn tồn là: 30.874.477 đồng. Kiểm tra sổ sách, hồ sơ, chứng từ thu, chi Quỹ đền ơn đáp nghĩa, đơn vị ghi đã tổng hợp đầy đủ số tiền ủng hộ đóng góp của các tổ chức, cá nhân, đã

chuyển số tiền đóng góp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước huyện huyện (*Chi tiết biểu số 04 kèm theo*).

- Đơn vị đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ đền ơn đáp nghĩa đảm bảo đúng quy trình. Sử dụng các khoản chi hỗ trợ cho các đối tượng đều có Quyết định phê duyệt của Ban quản lý quỹ đền ơn đáp nghĩa huyện....

- Tuy nhiên, đơn vị chưa mở sổ theo dõi tiền gửi mà chỉ theo dõi trên sổ dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện.

3.3.3. Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023: Kinh phí được giao là: 5.066.000.000 đồng (*Trong đó: (1) Kinh phí chuyển nhiệm vụ chi năm 2022 sang thực hiện năm 2023 là: 810.000.000 đồng; (2) Kinh phí giao đầu năm là: 4.185.000.000 đồng; (3) Kinh phí bổ sung trong năm là: 71.000.000 đồng*). Kinh phí đơn vị đã thực hiện chi và thanh quyết toán với số tiền là: 962.069.000 đồng. Kinh phí còn tồn tại kho bạc nhà nước huyện là: 4.373.931.000 đồng. Kết quả kiểm tra, cụ thể:

*** Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

- **Tiểu dự án 1 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn)**

+ Phát triển giáo dục nghề nghiệp (*Thông tin truyền thông*): Dự toán được duyệt là 28.500.000 đồng tại Quyết định số 605/QĐ-PLĐTBXH, ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện, đơn vị đã sử dụng và thanh quyết toán là 28.500.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ, đơn vị thực hiện đúng theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện và Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội.

+ Phát triển giáo dục nghề nghiệp (*Điều tra khảo sát nhu cầu học nghề, giới thiệu việc làm đối với lao động....*): Dự toán được duyệt là 160.000.000 đồng tại Quyết định số 633/QĐ-PLĐTBXH, ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện, đơn vị đã sử dụng và thanh quyết toán là 160.000.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ, đơn vị thực hiện đúng theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện và Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội; Thông tư số 15/TT-BTC ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

+ Phát triển giáo dục nghề nghiệp (*Làm Pa nô và in tờ rơi truyền thông về giáo dục nghề nghiệp*): Dự toán được duyệt là 339.600.000 đồng tại Quyết định số 519/QĐ-PLĐTBXH, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện, đơn vị đã sử dụng và thanh quyết toán là 319.600.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ, đơn vị thực hiện đúng theo Kế hoạch số 122/KH-UBND

ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện và Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội; Thông tư số 15/TT-BTC ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

- **Tiểu dự án 3 (Hỗ trợ việc làm bền vững):** Dự toán được duyệt là 99.965.000 đồng tại Quyết định số 194/QĐ-PLĐTBXH, ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện, đơn vị đã sử dụng và thanh quyết toán là 99.765.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ, đơn vị thực hiện đúng theo Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện và Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội; Thông tư số 15/TT-BTC ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

*** Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

- **Tiểu dự án 1 (Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình):**

+ Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo: Dự toán được duyệt là 82.680.000 đồng tại Quyết định số 480/QĐ-PLĐTBXH, ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện, đơn vị đã sử dụng và thanh quyết toán là 81.854.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ, đơn vị thực hiện đúng theo Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện và Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội; Thông tư số 15/TT-BTC ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

+ Thanh toán tiền phụ cấp công tác phí và khoán thuê phòng nghỉ cho cán bộ tham gia tập huấn công tác giảm nghèo tại Thành phố Quy Nhơn với số tiền 2.350.000 đồng, đơn vị thực hiện đúng theo Văn bản số 1817/SLĐTBXH-TGXHGN ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội.

(Chi tiết biểu số 03 kèm theo)

3.3.4. Kiểm tra công tác mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công:

- Kiểm tra thực hiện mua sắm tài sản công năm 2023 đơn vị thực hiện mua 04 máy tính xách tay, 01 máy Phô tô, 01 tủ tài liệu, qua kiểm tra đơn vị đã mua đủ số lượng, đúng chủng loại, hàng mới 100% đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thực hiện theo Đơn vị đã thực hiện đầy đủ việc mở sổ sách để theo dõi, hạch toán tài sản sản theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Thông tư số

58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ tài chính; Thông tư số 68/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm ...; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác quy định.

3.3.5. Kiểm tra nguồn vốn và triển khai thực hiện đầu tư xây dựng: Đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện giao làm chủ đầu tư công trình: Chinh trang khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ huyện tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 từ nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội là: 200.000.000 đồng (*duy trì sửa chữa hàng năm*) và bổ sung kinh phí tại Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023 từ dự phòng ngân sách huyện là: 268.000.00 đồng. Tổng mức đầu tư được duyệt là: 468.114.439 đồng Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Chinh trang khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ huyện. Đơn vị đã thực hiện đầu tư và nghiệm thu, thanh toán là: 438.408.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ, đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

II. KẾT QUẢ XÁC MINH CÁC NỘI DUNG CÓ LIÊN QUAN:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, sổ sách do đơn vị cung cấp, Đoàn thanh tra chọn ngẫu nhiên một số nội dung và trực tiếp làm việc với các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân các xã và một số người có liên quan để tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế; không thực hiện kiểm tra, xác minh các hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng, chứng từ với các bên nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Kết quả như sau:

1. Kết quả xác minh về thực hiện các chế độ chính sách cho người có công, chi bảo trợ xã hội

- Đoàn thanh tra đã làm việc Bảo hiểm xã hội huyện⁴ xác minh việc Phòng Lao động và thương binh xã hội huyện đã mua Thẻ bảo hiểm Y tế cho các đối tượng của năm 2022 và năm 2023 với số tiền là: 846.131.610 đồng, cụ thể: (1) Năm 2022 là: 414.207.150 đồng (*trong đó: Mua bảo hiểm Y tế cho đối tượng bảo trợ là hội là: 309.770.850 đồng; Mua bảo hiểm Y tế cho Cựu chiến, Thanh niên xung phong, người làm nhiệm vụ Quốc tế Lào, Cam pu chia là 104.436.300 đồng*); (2) Năm 2023 là: 431.924.460 đồng (*trong đó: Mua bảo hiểm Y tế cho đối tượng bảo trợ là hội là: 315.140.910 đồng; Mua bảo hiểm Y tế cho Cựu chiến, Thanh niên xung phong, người làm nhiệm vụ Quốc tế Lào, Cam pu chia là 116.783.550 đồng*). Bảo hiểm xã hội huyện xác nhận: Việc mua mua thẻ bảo hiểm cho các đối tượng được hưởng chế độ đảm bảo đúng quy định, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện đã chuyển mua thẻ bảo hiểm của năm 2022

⁴ Đoàn làm việc với ông Phạm Duy Thành, Giám đốc bảo hiểm xã hội huyện.

và năm 2023 với số tiền là: 846.131.610 đồng là đúng với số tiền chuyển cho đơn vị, cơ quan bảo hiểm xã hội thống nhất và không có ý kiến khác.

- Đoàn thanh tra xác minh tại các xã Đăk Nê, Đăk Ring, Măng Bút, Đăk Tăng, Măng Cành, Ngọc Tem, Pờ Ê, xã Hiếu⁵ về cấp phát chế độ chính sách cho các đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và các chế độ khác. Qua xác minh đều xác nhận việc chi trả các chế độ chính sách được chi trả đầy đủ, kịp thời theo quy định, các đối tượng được hưởng các chế độ chính sách trên địa bàn các xã không có ý kiến khác.

2. Kết quả xác minh việc tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo

- Tại xã Đăk Nê: Đoàn thanh tra làm việc với ông Đinh Văn Điều Phó Chủ tịch Mặt trận xã, Bà Y Nguyên phó Bí thư đoàn xã Đăk Nê xác minh việc tham gia lớp tập huấn công tác giảm nghèo. Các ông (bà) xác nhận, trong danh sách ký nhận được hỗ trợ tiền ăn và xăng xe với số tiền là 560.000 đồng/người là không phải chữ ký của mình và không nhận số tiền này (tổng số tiền 02 người: 1.120.000 đồng).

- Tại xã Đăk Ring: Xác minh ông A Nghiệp Phó Chủ tịch Mặt trận xã; ông A Nhích phó chủ tịch hội nông dân xã; ông A Tét thôn trưởng thôn Đăk Ang và ông A Thiết, thôn trưởng thôn Đăk Da. Các ông xác nhận, có tham gia tập huấn và trong danh sách ký nhận được hỗ trợ tiền ăn và xăng xe với số tiền là 540.000 đồng/người là chữ ký của tôi và tôi nhận số tiền này.

- Tại xã Măng Bút: Xác minh ông A Hùng thôn trưởng thôn Măng Bút và ông A Chon thôn trưởng thôn Đăk Niêng. Các ông xác nhận, có tham gia tập huấn và trong danh sách ký nhận được hỗ trợ tiền ăn và xăng xe với số tiền là 460.000 đồng/người là chữ ký của tôi và tôi nhận số tiền này.

- Tại xã Đăk Tăng: Xác minh ông A Toàn hội cựu chiến binh xã, xác nhận ông có tham gia tập huấn và được hỗ trợ tiền ăn và xăng xe với số tiền là 420.000 đồng.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp (Điều tra khảo sát nhu cầu học nghề, giới thiệu việc làm đối với lao động...)

Đoàn thanh tra xác minh các ông (bà): Bà Đinh Thị Thanh Luật cán bộ Ủy ban nhân dân xã Đăk Tăng; ông Nguyễn Văn Toại cán bộ Ủy ban nhân dân xã Đăk Nê; bà Y Kim cán bộ Ủy ban nhân dân xã Đăk Ring và bà Đinh Thị Tháo Nguyên cán bộ Ủy ban nhân dân xã Măng Bút. ông Đỗ Thanh Hải, cán bộ văn hóa Ngọc Tem; bà Phạm Thị Thu, Cán bộ văn hóa xã Pờ Ê; bà Nguyễn Thị Vân,

⁵ Đoàn làm việc với ông Phạm Văn Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Nê; ông Nguyễn Đình Duy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Ring; ông A Tiến, bà Y Xuân, bà Y Sen thôn Đak Chờ xã Đăk Ring; ông A Dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Măng Bút; bà Y Pon, bà Y Kiên, bà Y Hiền thôn Măng Bút, xã Măng Bút; ông A Hùng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Tăng, bà Y Ngân, bà Y Long thôn Đăk Tăng; ông Đỗ Xuân Kỳ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tem và các ông, bà: Y Tất A Trinh, A Xa, Y Tét; ông Lương Ngọc Bảo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Pờ Ê và các ông, bà: Y Lúa, A Khang thôn Vi Ô Lăk; bà Hồ Thị Thủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiếu.

Cán bộ văn hóa xã Hiếu. Các ông (bà) xác nhận có nhận tiền của phòng Lao động Thương và Xã hội huyện với số tiền là 16.100.000 đồng để điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, giới thiệu việc làm ... (Mỗi xã gồm: 38.500 đ/phiếu khảo sát * 400 phiếu = 15.400.000 đồng để cấp cho người được phỏng vấn, cung cấp thông tin và tiền thù lao cho cán bộ xã điều tra, khảo sát là 700.000 đồng).

4. Kết quả xác minh thực tế làm Pa nô và in tờ rơi truyền thông về giáo dục nghề nghiệp (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Phát triển giáo dục nghề nghiệp). Kiểm tra thực tế, tiến hành đo đạc tại các biển Pa nô ở các xã. Nhà thầu thi công lắp đặt các biển Pa nô đảm bảo theo dự toán được duyệt.

5. Kết quả kiểm tra thực tế tại các công trình:

- **Công trình:** Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện, Hạng mục công trình: Ốp đá tượng đài, 16 mộ liệt sỹ, lan can, bồn hoa...; xây dựng công mới, nhà quản trang, lát sân bằng đá khò xanh đen và các hạng mục khác... Đoàn thanh tra phối hợp với chủ đầu tư và đơn vị công kiểm tra thực tế tại công trình, đồng thời đối chiếu với hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành. Kết quả kiểm tra: Đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Hoàng Tùng và Chủ đầu tư tổ chức thi công các hạng mục công trình cơ bản theo hồ sơ bản vẽ thi và báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt.

- **Công trình:** Chỉnh trang khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ huyện, Hạng mục công trình: Ốp đá và lát nền 16 mộ liệt sỹ, ốp đá cổng và phù điêu, cải tạo đất và trồng cỏ lạc, cỏ gừng. Đoàn thanh tra phối hợp với chủ đầu tư và đơn vị công kiểm tra thực tế tại công trình, đồng thời đối chiếu với hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành. Kết quả kiểm tra: Đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Hoàng Tùng và Chủ đầu tư tổ chức thi công các hạng mục công trình cơ bản theo hồ sơ bản vẽ và báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt.

6. Kết quả xác minh về tài sản: Tại Phòng Lao động thương binh và Xã hội huyện Đoàn thanh tra đã xác minh, kiểm tra thực tế việc mua và sử dụng, quản lý tài sản công. Qua kiểm tra đơn vị đã thực hiện việc mua sắm sử dụng, bảo quản tài sản công đảm bảo quy định, các loại tài sản của đơn vị đều giao cho cán bộ công chức sử dụng và quản lý. Tài sản đơn vị mua năm 2023, đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, đúng chủng loại, các loại tài sản mua mới 100% và bàn cho cho cán bộ chuyên môn sử dụng và bảo quản theo quy định.

PHẦN III. KẾT LUẬN

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Đơn vị đã thực hiện hoạt động thu, chi ngân sách cơ bản đúng quy định, đảm bảo hoạt động của đơn vị.

- Thực hiện chi trả đảm bảo các chế độ chính sách cho người có công theo quy định Nghị Định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng

(trợ cấp hằng tháng và mai táng phí...) và người được hỗ trợ các chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi; người già, già cô đơn....) được kịp thời.

- Chế độ của cán bộ, công chức tại đơn vị được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Hàng năm đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện mua sắm tài sản đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ tài chính; Thông tư số 68/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ và các văn bản quy định hiện hành.

- Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tương đối đạt hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân như việc làm, nhu cầu học nghề.....

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ và xác minh thực tế, Đoàn thanh tra nhận thấy đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế như: một số hồ sơ chứng từ không có phiếu nhập kho, xuất kho, một số nhiệm vụ chi không đảm bảo quy định, cụ thể:

1. Năm 2022

- Thực hiện thanh toán tiền điều dưỡng tại nhà tháng 5 năm 2022 đối với Bà Y Xong, địa chỉ: Xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với số tiền là 1.461.600 đồng là chưa đúng. Lý do, bà Y Xong đã từ trần và được hưởng trợ cấp khi người có công từ trần tại Quyết định số 756/QĐ-SL.ĐTBXH ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội (Ngân sách TW ủy quyền chi trả).

- Thực hiện thanh toán tiền trợ cấp thường xuyên tháng 4 năm 2022 đối với Bà Y Giêng, địa chỉ: Xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với số tiền là 360.000 đồng là chưa đúng. Lý do, bà Y Giêng đã từ trần ngày 20 tháng 3 năm 2022, được Ủy ban nhân dân huyện cắt trợ giúp xã hội thường xuyên (thời gian cắt trợ giúp: ngày 01 tháng 04 năm 2022) và trợ cấp một lần (mai táng phí) đối với người hưởng bảo trợ xã hội tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2022 (Nguồn báo xã hội ngân sách huyện).

- Thanh toán tiền mua đồ viếng nghĩa trang liệt sỹ tại giấy rút dự toán số RDT049 ngày 06 tháng 04 năm 2022 với số tiền là: 9.800.000 đồng, đơn vị không có hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

- Thanh toán tiền in bằng rôn bình đẳng giới tại giấy rút dự toán số RDT1159 ngày 14 tháng 12 năm 2022 với số tiền là: 24.890.000 đồng, đơn vị không có danh sách ký nhận của các đơn vị

- Chưa mở sổ theo dõi tiền gửi mà chỉ theo dõi trên sổ dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện.

2. Năm 2023

- Thanh toán tiền hỗ trợ xăng xe và tiền ăn cho cán bộ tham gia tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với số tiền số tiền là 560.000 đồng/người * 2 người = 1.120.000 đồng là không đúng. Lý do, qua xác minh ông Đinh Văn Diệu PCTMT xã và bà Y Nguyễn PBT Đoàn xã xác nhận không tham gia tập huấn, không phải chữ ký trong danh sách nhận tiền của phòng Lao động thương binh và xã hội huyện lập.

- Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm tại giấy rút dự toán số RDT00030, ngày 01 tháng 12 năm 2023 với số tiền là: 14.620.000 đồng, đơn vị không có phiếu xuất nhập kho hoặc không có biên bản giao nhận của các bộ phận chuyên môn.

- Phiếu chi tiền số PC013 ngày 11 tháng 12 năm 2023 chuyển tiền làm thêm giờ đoàn liên ngành 178 với số tiền 1.970.000 đồng vượt định mức theo Điều 60, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định giới hạn số giờ làm thêm.

- Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm tại giấy rút dự toán số RDT00155, ngày 12 tháng 10 năm 2023 với số tiền là: 9.832.000 đồng, đơn vị không có phiếu xuất nhập kho hoặc biên bản giao nhận của các bộ phận chuyên môn.

** Để xảy ra những thiếu sót nêu trên, trách nhiệm thuộc về Trường phòng, Kế toán và cán bộ thực hiện tổ chức lớp tập huấn*

3. Kiến nghị, biện pháp xử lý

3.1. Đề nghị Trường phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện

- Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công việc chuyên môn của đơn vị. Chỉ đạo các cá nhân có liên quan phát huy những kết quả đạt được; chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với những thiếu sót mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại kết quả kiểm tra, xác minh. Đồng thời, xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế mà kết luận thanh tra đã nêu.

- Chỉ đạo bộ phận kế toán thực hiện nghiêm Luật Kế toán; Luật ngân sách Nhà nước; Luật đấu thầu và các văn bản quy định về mua sắm tài sản... Đồng thời tổ chức khắc phục các tồn tại hạn chế nêu trên.

3.2. Kiến nghị về kinh tế: Đề nghị Trường phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện thu hồi kinh phí nộp vào ngân sách Nhà nước với số tiền là: **4.911.600** (Bằng chữ: Bốn triệu, chín trăm mười một ngàn, sáu trăm ngàn đồng chẵn), cụ thể:

- Thu hồi **360.000** đồng tiền chi sai chế độ 4/2022 cho bà Y Giêng xã Hiếu đã từ trần, cắt thôi hưởng chế độ từ ngày 01/4/2022.

- Thu hồi **1.461.600** đồng chi trả tiền điều dưỡng tại nhà tháng 5/2022 cho bà Y Xong xã Đăk Tăng đã từ trần, cắt thôi hưởng chế độ từ ngày 25/4/2022.

- Thu hồi **1.970.000** đồng tiền làm đêm thêm giờ cho Đoàn liên ngành 178 vượt quy định.

- Thu hồi **1.120.000** đồng của phó Chủ tịch Mặt trận xã và phó Bí thư Đoàn xã Đăk Nền, không tham gia lớp tập huấn lớp nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

3.3. Kiến nghị hành chính: Đề nghị Trường phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân về việc để xảy ra những tồn tại, hạn chế nêu trên ... Nếu xét thấy các vi phạm, tồn tại, hạn chế nêu trên cần tổ chức xem xét kỷ luật thì tổ chức kiểm điểm, kỷ luật đúng theo quy định (nếu có).

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý tài chính, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện. Đề nghị Trường phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị theo kết luận thanh tra về Ủy ban nhân dân huyện, Thanh tra huyện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Ủy ban nhân dân huyện (b/c);
- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy (b/c);
- Phòng Lao động – TB và XH huyện;
- Lưu VT-HSTTr.



Võ Đình Viết



BIỂU MẪU KẾT QUẢ THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022 VÀ NĂM 2023
(Kính gửi Ủy ban số 01/KL-TT, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Thanh tra huyện)

Biểu 01

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch vốn | | | | Kinh phí đơn vị thanh quyết toán (bao gồm thành toán các công trình xây dựng mà thực hiện từ nguồn đảm bảo xã hội mang tính chất | Kinh phí còn tồn tại KENN huyện | Số liệu thanh tra | Chênh lệch đề nghị thu hồi | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------|--|---------------------------------|-------------------|----------------------------|---|
| | | Tổng kinh phí được sử dụng trong năm | Kinh phí năm trước chuyển sang | Giao đầu năm | Bổ sung (tăng +; giảm -) | | | | | |
| 1 | 2 | 3=4+5+6 | 4 | 5 | 6 | 7=3-6 | 8 | 9=6-8 | 10 | |
| A | Năm 2022 | 11.620.840.000 | 1.091.840.000 | 10.613.000.000 | -84.000.000 | 10.683.224.150 | 937.615.850 | 10.682.864.150 | 360.000 | |
| 1 | Kinh phí giao quyền tự chủ; Mã nguồn NS: 13 | 942.000.000 | 0 | 942.000.000 | 0 | 942.000.000 | 0 | 942.000.000 | 0 | |
| - | Kinh phí quản lý nhà nước | 942.000.000 | 0 | 942.000.000 | 0 | 942.000.000 | 0 | 942.000.000 | | |
| 2 | Kinh phí không tự chủ; Mã nguồn NS: 12 | 9.868.840.000 | 1.091.840.000 | 9.671.000.000 | -894.000.000 | 9.741.224.150 | 127.615.850 | 9.740.864.150 | 360.000 | |
| - | Kinh phí đảm bảo xã hội | 9.857.840.000 | 1.091.840.000 | 9.671.000.000 | -905.000.000 | 9.730.224.150 | 127.615.850 | 9.729.864.150 | 360.000 | Ghi chú: Trong năm UBND huyện bổ sung 250 triệu và Thực hiện giảm trừ Chuyển cho các xã 1.155 tr hỗ trợ tiền điện cho các xã thực hiện. Thu hồi 360.000 đồng; lý do: bà Y Giảng đã từ trần và UBND huyện đã Quyết định cắt giảm nhưng đơn vị vẫn thanh toán |
| - | Kinh phí bổ sung phần mềm kế toán | 11.000.000 | 0 | 0 | 11.000.000 | 11.000.000 | 0 | 11.000.000 | | |
| 3 | Kinh phí thực hiện CTMTQG | 810.000.000 | 0 | 0 | 810.000.000 | 810.000.000 | 0 | 0 | 0 | chuyển nguồn sang năm 2023 |
| B | Năm 2023 | 16.559.610.850 | 1.000.775.850 | 16.846.000.000 | -1.287.165.000 | 12.139.435.965 | 4.420.174.885 | 11.335.396.965 | 1.970.000 | |
| 1 | Kinh phí giao quyền tự chủ; Mã nguồn NS: 13, 14 | 951.000.000 | 0 | 904.000.000 | 47.000.000 | 951.000.000 | 0 | 951.000.000 | 0 | |
| - | Kinh phí quản lý nhà nước | 951.000.000 | 0 | 904.000.000 | 47.000.000 | 951.000.000 | 0 | 951.000.000 | | Ghi chú: Trong năm UBND huyện bổ sung 63 tr tiền CCTL và Thực hiện giảm trừ tiết kiệm chi 16 tr |
| 2 | Kinh phí không tự chủ; Mã nguồn NS: 12, 15 | 10.542.610.850 | 190.775.850 | 11.757.000.000 | -1.405.165.000 | 10.496.366.965 | 46.243.885 | 10.384.396.965 | 1.970.000 | |

| STT | Nội dung | Kế hoạch vốn | | | | | | Kinh phí đơn vị thanh quyết toàn (bao gồm thanh toán các công trình xây dựng mà thực hiện từ nguồn đảm bảo xã hội mang tính chất | Kinh phí còn lên tại KBNN huyện | Số liệu thanh tra | Chênh lệch dề nghị thu hồi | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|--|--------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------------|---------------|---|---------------------------------------|---|----------------------------------|---------|
| | | Tổng kinh phí được sử dụng trong năm | Kinh phí năm trước chuyển sang | Giao đầu năm | Bổ sung (tăng +, giảm -) | 6 | 7=3-6 | | | | | |
| 1 | 2 | 3=4+5+6 | 4 | 5 | 6 | 6 | 7=3-6 | 8 | 9=6-8 | 10 | | |
| - | Kinh phí đảm bảo xã hội | 10.432.610.850 | 190.775.850 | 11.757.000.000 | -1.515.165.000 | 10.386.366.965 | 46.243.885 | 10.384.396.965 | 1.970.000 | Ghi chú: Trong năm UBND huyện bổ sung 464 triệu và Thực hiện giảm trừ Chuyển cho các xã 1.979 tr hỗ trợ tiền điện cho các xã thực hiện. Thu hồi 1.970.000 đồng do đơn vị chi vượt định mức lần thêm giờ | | |
| - | Kinh phí thực hiện mua máy tính | 110.000.000 | 0 | 0 | 110.000.000 | 110.000.000 | 0 | 110.000.000 | | | | |
| 3 | Kinh phí thực hiện CTMTQG | 5.066.000.000 | 810.000.000 | 4.185.000.000 | 71.000.000 | 692.069.000 | 4.373.931.000 | | | Chi tiết tại biểu 03 | | |



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÀNH TRA NĂM 2022 VÀ NĂM 2023 NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ỦY QUYỀN
(Kèm theo Kế hoạch số 01/KL-TT, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Thanh tra huyện)

Biểu 02

DVT: đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch vốn | | | | | | Kinh phí đơn vị sử dụng và thanh quyết toán | Kinh phí còn tồn tại KBNN huyện | Số liệu thanh tra | Chênh lệch đề nghị thu hồi | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------|----------------|-------------|---|---------------------------------|---|----------------------------|---------|
| | | Tổng kinh phí được sử dụng trong năm | Kinh phí năm trước chuyển sang | Giao đầu năm | Bổ sung (tăng +; giảm -) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3=4+5+6 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=3-7 | 9 | 10=3-9 | 11 | | |
| * | Tổng cộng: I+II | 14.796.683.200 | 0 | 14.256.552.800 | 540.130.400 | 13.958.958.439 | 837.724.761 | 13.957.496.839 | 1.461.600 | 0 | | |
| I | Năm 2022 | 7.580.514.800 | 0 | 7.580.514.800 | 0 | 6.953.022.650 | 627.492.150 | 6.951.561.050 | 1.461.600 | | | |
| - | Kinh phí người có công | 7.580.514.800 | 0 | 7.580.514.800 | 0 | 6.953.022.650 | 627.492.150 | 6.951.561.050 | 1.461.600 | Lý do thu hồi: Chi trả việc chi trả trợ cấp ưu đãi người có công cách mạng cho Bà Y Xong, địa chỉ: Xã Đắk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã từ trần và được hưởng trợ cấp khi người có công từ trần nhưng đơn vị vẫn chi trả | | |
| II | Năm 2023 | 7.216.168.400 | 0 | 6.676.038.000 | 540.130.400 | 7.005.935.789 | 210.232.611 | 7.005.935.789 | 0 | 0 | | |
| - | Kinh phí người có công | 7.216.168.400 | 0 | 6.676.038.000 | 540.130.400 | 7.005.935.789 | 210.232.611 | 7.005.935.789 | | | | |

TỔNG HỢP HIỆN THẠNH QUYẾT TOÀN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023



Kèm theo Kế hoạch số 01/KL-TT, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Thanh tra huyện)

ĐVT: Đồng

| Nội dung | Ngày, tháng, số QĐ phê duyệt | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Kế hoạch vốn NSNN | | | | | | Dự toán được duyệt | Giá trị khối lượng công việc đã thực hiện | Giá trị thanh, quyết toán của đơn vị | Kinh phí còn tồn tại KBNN huyện | Giá trị kiểm tra của đoàn thanh tra | Chênh lệch | Ghi chú |
|--|------------------------------|--------------------------------|-------------------|---------------|--|--------------------------|--------------|---|--------------------|---|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------|---|
| | | | Tổng số | Đầu năm | Kinh phí chuyên nhiệm vụ chi năm 2022 sang thực hiện | Bổ sung (tăng +; giảm -) | Đã thực hiện | Giá trị khối lượng công việc đã thực hiện | | | | | | | |
| Năm 2023 | 2 | 3 | 4 | 5 = 6 + 7 + 8 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 = 5 - 10 | 13 | 14 = 11 - 13 | 15 | |
| Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và năm 2022 chuyển sang năm 2023 thực hiện | | | | 5.066.000.000 | 4.185.000.000 | 810.000.000 | 71.000.000 | 713.095.000 | 692.269.000 | 692.069.000 | 4.373.931.000 | 690.949.000 | 1.120.000 | | |
| Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững | | | | 2.560.000.000 | 2.202.000.000 | 487.000.000 | 71.000.000 | 628.065.000 | 608.065.000 | 607.865.000 | 1.952.135.000 | 607.865.000 | 0 | | |
| Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | | | | 777.000.000 | 706.000.000 | | 71.000.000 | 528.100.000 | 508.100.000 | 508.100.000 | 268.900.000 | 508.100.000 | 0 | | Kinh phí đối ứng |
| Phát triển giáo dục nghề nghiệp | | | | 777.000.000 | 706.000.000 | | 71.000.000 | 528.100.000 | 508.100.000 | 508.100.000 | 268.900.000 | 508.100.000 | 0 | | |
| Thông tin truyền thông | | | | | | | | 28.500.000 | 28.500.000 | 28.500.000 | 0 | 28.500.000 | 0 | | |
| Điều tra khảo sát nhu cầu học nghề, giới thiệu việc làm.... | | | | | | | | 160.000.000 | 160.000.000 | 160.000.000 | 0 | 160.000.000 | 0 | | |
| Làm Pa nô và in tờ rơi truyền thông về giáo dục nghề nghiệp | | | | | | | | 339.600.000 | 319.600.000 | 319.600.000 | 0 | 319.600.000 | 0 | | |
| Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | | | | 953.000.000 | 694.000.000 | 259.000.000 | | 0 | 0 | 0 | 953.000.000 | 0 | | | Chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2024 thực hiện |
| Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững | | | | 830.000.000 | 602.000.000 | 228.000.000 | | 99.965.000 | 99.965.000 | 99.765.000 | 730.235.000 | 99.765.000 | 0 | | |
| Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình | | | | 524.000.000 | 201.000.000 | 323.000.000 | 0 | 85.030.000 | 84.204.000 | 84.204.000 | 439.796.000 | 83.084.000 | 1.120.000 | | |

| Nội dung | Ngày, tháng, số QD phê duyệt | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Kế hoạch vốn NSNN | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------|---------------|--|--------------------------|--------------------|---|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------|----|--|---------|
| | | | Tổng số | Đầu năm | Kinh phí chuyển nhiệm vụ chi năm 2022 sang thực hiện | Bổ sung (tăng +; giảm -) | Dự toán được duyệt | Giá trị khối lượng công việc đã thực hiện | Giá trị thanh, quyết toán của đơn vị | Kinh phí còn tồn tại KBNN huyện | Giá trị kiểm tra của đoàn thanh tra | Chênh lệch | | | |
| 2 | 3 | 4 | 5=6+7+8 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12=5-10 | 13 | 14=11-13 | 15 | | |
| Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình | Số 480/QĐ-PLGTBXH, ngày 20/9/2023 | Tháng 9/2023 | 424.000.000 | 154.000.000 | 270.000.000 | | 85.030.000 | 84.204.000 | 84.204.000 | 339.796.000 | 83.084.000 | 1.120.000 | | | |
| Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo | | | | | | | 82.680.000 | 81.854.000 | 81.854.000 | | 80.734.000 | 1.120.000 | | | |
| Tính toán tiền phụ cấp công tác phí và khoản thuế phòng nghị cho cán bộ tham gia tập huấn công tác giảm nghèo tại Thành phố Quy Nhơn | | | | | | | 2.350.000 | 2.350.000 | 2.350.000 | | 2.350.000 | | | | |
| Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá | | | 100.000.000 | 47.000.000 | 53.000.000 | | 0 | 0 | 0 | 100.000.000 | 0 | 0 | 0 | | |
| Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 | | | 1.982.000.000 | 1.982.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.982.000.000 | 0 | 0 | 0 | | |
| Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi | | | 1.982.000.000 | 1.982.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.982.000.000 | 0 | 0 | 0 | | |
| Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động | | | 1.982.000.000 | 1.982.000.000 | | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.982.000.000 | 0 | 0 | 0 | | |

Chuyên nhiệm vụ chi sang năm 2024 thực hiện

Chuyên nhiệm vụ chi sang năm 2024 thực hiện



Biểu 04

BIỂU TÍNH HỢP THÀNH TRA TÀI CHÍNH QUỸ ĐỀN ON ĐÁP NGHĨA
(Kế toán Kế toán số 01/KL-TT, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung | Nguồn kinh phí | | | | | | | |
|-----|----------|--------------------------------|------------------------------------|---------------|---|-------------------------------------|-------------------|----------------------------|---------|
| | | Tổng kinh phí thu được sử dụng | Kinh phí thu năm trước chuyển sang | Thu trong năm | Kinh phí đơn vị sử dụng và thanh quyết toán | Kinh phí còn tồn tại Khoản tiền gửi | Số liệu thanh tra | Chênh lệch đề nghị thu hồi | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3=4+5 | 4 | 5 | 6 | 7=3-6 | 8 | 9=6-8 | 11 |
| 1 | Năm 2022 | 157.974.477 | 2.300.000 | 155.674.477 | 0 | 157.974.477 | | | |
| 3 | Năm 2023 | 590.874.477 | 157.974.477 | 432.900.000 | 560.000.000 | 30.874.477 | 560.000.000 | 0 | |